

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 9 - 2026

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hành và ông Ngô Mậu Hiệu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Thủy - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị.

Ngày 08 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 196/2026/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T; sinh năm 1986,

Số CCCD: 044186001774 cấp ngày 21/8/2021 tại Cục C1 về TTXH.

Địa chỉ: Thôn T (cũ là T), xã S, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang N, sinh năm 1984,

Số CCCD: 044084003904 cấp ngày 10/7/2024 tại Bộ C2.

Địa chỉ: Thôn T (cũ là T), xã S, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Quang N tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 9 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã S, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn sinh sống tại địa phương đến đầu năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu tin tưởng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên, mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không đem lại kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không quan tâm đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang N. Về con chung: Chị T và anh N có 05 con chung gồm: Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 25/01/2004; Nguyễn Thị Bích N1, sinh ngày 15/01/2008; Nguyễn Thị Châu L, sinh ngày 13/01/2012; Nguyễn Anh K, sinh ngày 20/7/2017; Nguyễn Phan Như Ý, sinh ngày 13/7/2019. Chị T xác định cháu Nguyễn Thị Kim

C và cháu Nguyễn Thị Bích N1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với các cháu Nguyễn Thị Châu L, Nguyễn Anh K và Nguyễn Phan Như Ý, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Nguyễn Quang N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Quang N trình bày:*

Anh N xác nhận về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và các con chung như chị T trình bày là đúng. Về quan hệ hôn nhân, anh N cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nguyên nhân gia đình lục đục là do thời gian qua anh làm ăn thua lỗ, phát sinh nợ nần. Anh N cho biết sẽ cố gắng trả nợ và đưa tiền cho chị T nuôi con. Anh N không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ với chị Phan Thị T để cùng nhau nuôi dạy con cái và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Về con chung: Anh N xác nhận vợ chồng có 05 con chung là Nguyễn Thị Kim C, Nguyễn Thị Bích N1, Nguyễn Thị Châu L, Nguyễn Anh K và Nguyễn Phan Như Ý. Đối với cháu Nguyễn Thị Kim C và Nguyễn Thị Bích N1, anh N xác định các cháu đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Thị Châu L, Nguyễn Anh K và Nguyễn Phan Như Ý, không yêu cầu chị Phan Thị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài những nội dung trên, các đương sự không có yêu cầu hoặc ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Phan Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh N là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh N có nơi đăng ký cư trú tại Thôn T (cũ là T), xã S, tỉnh Quảng Trị nên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Trị thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Bị đơn anh Nguyễn Quang N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh đến Tòa án một lần viết bản tự khai, sau đó không đến để giải quyết vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Hiện nay anh N vẫn đang làm ăn sinh sống địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Quang N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Quang N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 12/9/2003 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã S, tỉnh Quảng Trị). Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo lời trình bày của chị T, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh N say mê cờ bạc, phát sinh nợ nần, không quan tâm, chăm lo đời sống gia đình và không thực hiện đầy đủ trách nhiệm với vợ, con. Từ năm 2024 đến nay, chị T và anh N đã sống ly thân, chị T cùng các con thuê nhà ở riêng. Anh N không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nghiêm trọng và mong muốn đoàn tụ. Tuy nhiên, anh N cũng thừa nhận thời gian qua làm ăn thua lỗ, phát sinh nợ nần, dẫn đến gia đình lục đục; đồng thời xác nhận vợ chồng đã có thời gian sống xa nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân muốn tồn tại bền vững phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm, sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm và cùng nhau thực hiện trách nhiệm đối với gia đình. Trong trường hợp này, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, hai bên đã sống ly thân từ năm 2024 đến nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn. Mặc dù anh N có nguyện vọng đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp cụ thể, thiết thực để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và khôi phục đời sống chung của vợ chồng. Tại quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện để các bên đoàn tụ nhưng anh N không đến do đó không tiến hành hòa giải được. Như vậy, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Quang N là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Quang N có 05 con chung. Cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 25/01/2004 và cháu Nguyễn Thị Bích N1, sinh ngày 15/01/2008 đều đã thành niên nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các cháu Nguyễn Thị Châu L, sinh ngày 13/01/2012; Nguyễn Anh K, sinh ngày 20/7/2017 và Nguyễn Phan Như Ý, sinh ngày 13/7/2019 đều là con chưa thành niên nên cần xem xét việc giao người trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu và không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Anh N cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả 03 cháu nếu vợ chồng ly hôn. Xét thấy, các cháu đều còn nhỏ, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng thường xuyên của cha hoặc mẹ. Chị T là người trực tiếp chăm sóc các con trong thời gian vợ chồng sống ly thân; từ năm 2024 chị T đã đưa các con ra thuê nhà trọ và trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Mặt khác, trong quá trình giải quyết

vụ án, anh N thừa nhận thời gian qua làm ăn thua lỗ, phát sinh nợ nần. Trong khi đó, chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con và đã thực tế chăm sóc các cháu trong thời gian vợ chồng sống ly thân. Ý kiến trình bày của 03 cháu L, K, Ý tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 10/7/2026 có xác nhận của bố (anh N) mẹ (chị T) đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, xét về điều kiện thực tế và để bảo đảm sự ổn định về môi trường sống, sinh hoạt và học tập và nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử thấy cần giao các cháu Nguyễn Thị Châu L, Nguyễn Anh K và Nguyễn Phan Như Ý cho chị Phan Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp. Anh Nguyễn Quang N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng. Sau này, nếu điều kiện của các bên thay đổi, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Quang N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Phan Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quang N.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con Nguyễn Thị Châu L, sinh ngày 13/01/2012; Nguyễn Anh K, sinh ngày 20/7/2017; Nguyễn Phan Như Ý, sinh ngày 13/7/2019 cho chị Phan Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Phan Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Quang N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Quang N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Đối với các cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 25/01/2004 và Nguyễn Thị Bích N1, sinh ngày 15/01/2008, do đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Quang N không yêu cầu, không xem xét, giải quyết.

4. Án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003283 ngày 29/6/2026, chị T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Quảng Trị;

TÒA

- VKSND KV4 - Quảng Trị;

- THADS tỉnh Quảng Trị;

- UBND xã Sen Nư;

- Các đương sự;

- Lưu VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Châu Mạnh Cường